

Bản án số: 15/2018/LĐ-PT

Ngày: 16/10/2018

V/v tranh chấp do bị đơn phươg
chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Cường

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Nhàn;

Ông Phan Trí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 và 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 15/2018/TLPT-LĐ ngày 30/7/2018 về việc “tranh chấp do bị đơn phươg chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án sơ thẩm số 17/2018/LĐ-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2018/QĐXXPT-LĐ ngày 27/8/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1955; hộ khẩu thường trú: Ấp TT, xã MT, huyện HD, tỉnh Kiên Giang; tạm trú địa chỉ: Ấp 1, xã HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH T, địa chỉ: Ấp 1, xã HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Thế C, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn DMC, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh (theo Giấy ủy quyền ngày 12/3/2018); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty TNHH T, địa chỉ: Ấp 1, xã HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2018, các bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đặng Hoàng Đ trình bày: Ông Đ sinh năm 1955, nhưng sửa thành sinh năm 1970 để làm hồ sơ xin vào làm việc tại Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty). Ông Đ xác định: Năm sinh thực tế của ông Đ là năm 1955 chứ không phải năm 1970 như trong hồ sơ xin việc và trên các hợp đồng lao động đã ký với Công ty.

Ngày 10/5/2012, ông Đ được nhận vào làm việc tại bộ phận tạp vụ của Công ty; giữa Công ty với ông Đ có ký 03 hợp đồng lao động, thời hạn của mỗi hợp đồng là 01

năm; hợp đồng lao động lần cuối cùng ký có thời hạn từ ngày 01/5/2014 đến 01/5/2015, mức lương cơ bản là 3.200.000 đồng/tháng, phụ cấp chuyên cần 330.000 đồng/tháng cùng các khoản bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Sau khi ký hợp đồng, ông Đ được điều chỉnh lương nhiều lần đến trước khi ông bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động (Ngày 25/3/2017) là 4.430.000 đồng/tháng.

Quá trình làm việc, ông Đ luôn bị lãnh đạo Công ty chèn ép, không có thái độ thân thiện đối với ông, vì trước đó Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với ông Đ nên bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu nhận trở lại làm việc. Công ty đồng ý nhận trở lại làm việc nhưng vẫn luôn tìm nhiều cách để ông Đ chán nản mà tự bỏ việc. Tuy nhiên, ông Đ vẫn quyết tâm làm việc và tuân thủ đúng nội quy của Công ty. Ngày 25/3/2017, Công ty ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đ (Quyết định này ông Đ đã làm thất lạc). Ông Đ nhận thấy: Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông là không đúng quy định của pháp luật, bởi lẽ hợp đồng lao động lần thứ 3 có thời hạn 01 năm và kết thúc vào ngày 01/5/2015, nhưng khi hết hạn ông Đ vẫn tiếp tục làm việc nên hợp đồng trên trở thành hợp đồng không xác định thời hạn. Do vậy, ông Đặng Hoàng Đ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T phải bồi thường cho ông Đ các khoản sau:

- Tiền lương của những ngày không được làm việc từ ngày 25/3/2017 đến ngày 04/6/2018 là 14 tháng 10 ngày, nhưng tính tròn 14 tháng là 4.430.000 đồng/tháng x 14 tháng = 62.020.000 đồng.

- Bồi thường hai tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 4.430.000 đồng x 02 tháng = 8.860.000 đồng.

- Bồi thường tiền lương do vi phạm thời hạn báo trước là 45 ngày làm việc x 4.430.000 đồng/tháng : 26 ngày = 7.667.000 đồng.

Tổng cộng Công ty TNHH T phải bồi thường cho ông Đ là 78.547.000 đồng. Đồng thời, truy đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018 theo quy định. Ông Đ không yêu cầu Công ty TNHH T nhận ông Đ trở lại làm việc.

** Tại bản tự khai ngày 12/3/2018 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Phạm Thế C trình bày:* Ngày 09/02/2012, Công ty có nhận ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh vào làm việc tại bộ phận tạp vụ của Công ty. Sau thời gian thử việc, Công ty với ông Đ có ký kết hợp đồng lao động 03 lần, thời hạn của mỗi hợp đồng là 01 năm, hợp đồng sau cùng có thời hạn đến ngày 01/5/2015; sau khi hết hạn hợp đồng, ông Đ vẫn làm việc tại Công ty. Ngày 15/12/2016, Công ty phát hiện ông Đ sử dụng hồ sơ giả khi vào làm việc tại Công ty. Vì lý do an ninh, Công ty có yêu cầu ông Đ bổ sung hồ sơ thật để Công ty điều chỉnh, bổ sung hồ sơ cho ông Đ được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật; sự việc này Công ty có lập biên bản và ông Đ có ký tên. Tuy nhiên, đến ngày 25/3/2017 ông Đ vẫn không bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của Công ty nên Ban Giám đốc Công ty đã ra quyết định cho ông Đ nghỉ việc và thanh toán đầy đủ các chế độ theo quy định. Nay ông Đ khởi kiện, yêu cầu Công ty phải bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty không đồng ý. Công ty có ý kiến như sau: Công ty chỉ ký hợp đồng lao động với ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh chứ Công ty không ký hợp đồng lao động với ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp TT, xã MT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

Tại Bản án sơ thẩm số 17/2018/LĐ-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T.U, tỉnh Bình Dương đã căn cứ vào khoản 2 Điều 22, Điều 38, Điều 41 và Điều 42 của Bộ luật Lao động; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của nguyên đơn ông Đặng Hoàng Đ đối với bị đơn Công ty TNHH T.

- Buộc Công ty TNHH T bồi thường cho ông Đặng Hoàng Đ tổng số tiền là 78.547.000 đồng (Bảy mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

- Buộc Công ty TNHH T và ông Đặng Hoàng Đ đóng tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương cho ông Đặng Hoàng Đ từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018 tính theo tiền lương là 4.430.000 đồng, số sổ 7412153121 theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; ông Đặng Hoàng Đ có nghĩa vụ liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương để điều chỉnh lại các thông tin liên quan đến nhân thân cho đúng với thực tế.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu Công ty TNHH T chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Hoàng Đ về việc không yêu cầu Công ty TNHH T phải nhận trở lại làm việc.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH T phải chịu 2.356.410 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, việc thi hành bản án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 21/6/2018, bị đơn Công ty TNHH T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng toàn bộ hồ sơ và chứng cứ mà bị đơn cung cấp. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

1. Tuyên giao kết hợp đồng giữa Công ty với ông Đặng Hoàng Đ vô hiệu;

2. Tuyên việc Công ty chấm dứt hợp đồng với ông Đ vào ngày 25/3/2017 là thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động theo khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Lao động;

3. Làm rõ nhân thân thật của ông Đặng Hoàng Đ;

4. Tuyên không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông Đặng Hoàng Đ;

5. Buộc ông Đặng Hoàng Đ phải bồi thường cho Công ty số tiền 200.000.000 đồng là các khoản tổn thất do ông Đ sử dụng hồ sơ giả gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1955 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày 26/9/2018, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Theo đơn khởi kiện, ông Đ yêu cầu bồi thường số tiền 88.071.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án ông Đ chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 78.547.000 đồng, nhưng Tòa cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với số tiền 9.524.000 đồng

số tiền bảo hiểm là có thiếu sót. Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đ thuộc trường hợp thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động theo khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Lao động. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Đình chỉ giải quyết đối với số tiền đã rút và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng Đ. Tại phiên tòa ngày 16/10/2018, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến: Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đ là vi phạm thời gian báo trước, nên Viện kiểm sát thay đổi quan điểm về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng Đ về phần bồi thường và đình chỉ giải quyết đối với số tiền bảo hiểm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh tụng của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 04 và ngày 08 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân thị xã TU đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo Bản án số 17/2018/LĐ-ST ngày 08/6/2018. Ngày 21/6/2018, bị đơn Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty) có đơn kháng cáo là trong thời hạn luật định và người kháng cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ kháng cáo nên hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Công ty, nhận thấy: Ngày 10/5/2012, ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1955; hộ khẩu thường trú: Ấp TT, xã MT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang; Giấy chứng minh nhân dân số 371903265 sử dụng hồ sơ giả mạo mang tên Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Xã APT, huyện CK, tỉnh Trà Vinh; Giấy chứng minh nhân dân số 001010472 để xin vào làm việc tại bộ phận tạp vụ của Công ty (bút lục 54-59). Quá trình làm việc, giữa Công ty với ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1970 có ký kết 03 hợp đồng lao động; thời hạn của mỗi hợp đồng là 01 năm; hợp đồng lần cuối có thời hạn từ ngày 01/5/2014 đến 01/5/2015 (bút lục 05-07); mức lương cơ bản là 3.200.000 đồng/tháng, phụ cấp chuyên cần 330.000 đồng/tháng cùng các khoản bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Quá trình làm việc, ông Đ được điều chỉnh lương nhiều lần. Trước khi Công ty chấm dứt hợp đồng lao động thì mức lương của ông Đ là 4.430.000 đồng/tháng. Sau khi hết hạn hợp đồng lần 3, ông Đ vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty. Đến ngày 25/3/2017, Công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1970 kể từ ngày 25/3/2017 (bút lục 61) và thanh toán tiền lương tháng 3 năm 2017, đóng các khoản bảo hiểm để giao trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Đ.

[3] Ngày 09/01/2018, ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1955 đứng đơn ghi “sinh năm 1970; thường trú: Ấp TT, xã MT, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang” khởi kiện Công ty TNHH T để “tranh chấp về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”, yêu cầu Công ty phải bồi thường tiền lương những ngày ông Đ không được làm việc tính từ ngày 25/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (04/6/2018) là 14 tháng 10 ngày, nhưng tính tròn là 14 tháng với tổng số tiền 88.071.000 đồng (bút lục 01); kèm theo đơn khởi kiện, ông Đ cung cấp “Giấy chứng minh nhân dân số 371903265 ngày 15/4/2015” và “Sổ hộ khẩu gia đình số 94/06” thể hiện: “Họ tên: Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1955” (bút lục 02, 03). Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng Đ (sau đây gọi tắt là ông Đ) và cho rằng: Công ty không ký hợp đồng lao động với ông Đặng

Hoàng Đ, sinh năm 1955; hộ khẩu thường trú: Ấp TT, xã MT, huyện HB, tỉnh Kiên Giang. Chứng cứ Công ty cung cấp là bản chính 03 hợp đồng lao động (bút lục 51-53).

[4] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Công ty TNHH T không ký hợp đồng lao động với ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1955. Việc ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1955 vào làm việc tại Công ty là do sử dụng hồ sơ giả mạo mang tên Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1970 như đã nêu tại mục [2]; tuy nhiên, trên thực tế thì giữa ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1955 với Công ty đã tồn tại quan hệ pháp luật lao động trong một thời gian dài (*từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 3 năm 2017*). Sau khi Công ty phát hiện ông Đ sử dụng hồ sơ giả, Công ty đã lập “*biên bản làm việc*” ngày 15/12/2016 với nội dung “*Công ty cho chú Đặng Hoàng Đ bổ sung hồ sơ thật theo quy định. Nếu chú Đặng Hoàng Đ không bổ sung hồ sơ theo đúng quy định thì Công ty thông báo trước 45 ngày để chấm dứt hợp đồng, mọi thắc mắc về sau Công ty không hoàn toàn chịu trách nhiệm; thời gian bổ sung hồ sơ: 10/02/2017 theo yêu cầu của chú Đặng Hoàng Đ. Nếu quá thời hạn Công ty sẽ áp dụng Điều 3 của biên bản này*” (bút lục 60). Tại buổi làm việc này, ông Đ có tham dự và đồng ý bổ sung hồ sơ thật cho Công ty hạn chót là ngày 10/02/2017, nhưng sau đó ông Đ không bổ sung theo đúng nội dung biên bản làm việc. Như vậy, ông Đ đã vi phạm quy định tại các Điều 8, 18 và 19 của Nội quy Công ty TNHH T nên Công ty được quyền thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đ theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Lao động.

[5] Ngày 10/02/2017, đại diện Ban Giám đốc, đại diện Bộ phận nhân sự, đại diện Ban chấp hành Công đoàn của Công ty tiến hành lập “*biên bản làm việc chấm dứt hợp đồng lao động theo thỏa thuận*” với ông Đ, theo đó Công ty “*báo trước cho ông Đặng Hoàng Đ được biết là Công ty sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với ông vào ngày 25/3/2017*”; tại buổi làm việc này, ông Đ có tham dự nhưng không đồng ý với nội dung thỏa thuận nên đã có ý kiến “*nếu Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đ thì ông Đ sẽ tiến hành khởi kiện*” và không ký tên vào biên bản (bút lục 93). Do đó, không có căn cứ xác định giữa Công ty với ông Đ đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng, nên việc Công ty kháng cáo cho rằng: Ngày 25/3/2017, Tổng Giám đốc Công ty TNHH T ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đ là trường hợp thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Lao động là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Như đã phân tích tại mục [4] thì Công ty được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đ, tuy nhiên phải đảm bảo đúng thời gian báo trước theo quy định của Bộ luật Lao động. Do hợp đồng lao động giữa ông Đ với Công ty là loại hợp đồng không xác định thời hạn nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Lao động thì Công ty phải thông báo chấm dứt hợp đồng cho người lao động (tức ông Đ) biết trước ít nhất là 45 ngày. Và như đã nêu tại mục [5] thì ngày 10/02/2017, Công ty tiến hành thông báo cho ông Đ; đến ngày 25/3/2017, Công ty ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đ là không đảm bảo 45 ngày (*do tháng 02 năm 2017 chỉ có 28 ngày*), vi phạm thời gian báo trước nên theo quy định tại Điều 41 của Bộ luật Lao động thì hành vi của Công ty bị xem là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Đ theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động là phù hợp, tuy nhiên bản án sơ thẩm xác định: “*Ngày 25/3/2017, Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông Đ mà không báo trước*” là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm.

[7] Đối với yêu cầu buộc Công ty phải trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp mà ông Đ nêu trong đơn khởi kiện (bút lục 01), nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện là buộc Công ty truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Đ kể từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018. Căn cứ quy định tại các Điều 16, 18 của Luật Bảo hiểm xã hội thì đây là khoản tiền bảo hiểm bắt buộc người sử dụng lao động và người lao động phải có trách nhiệm đóng cho cơ quan Bảo hiểm xã hội. Ông Đ không rút đổi với yêu cầu này, nên Tòa cấp sơ thẩm buộc Công ty và ông Đ có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Đ tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương theo số Sổ bảo hiểm 7412153121 với mức lương 4.430.000 đồng/tháng; ông Đ có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội để điều chỉnh lại các thông tin liên quan đến nhân thân cho đúng với thực tế là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Xét kháng cáo của Công ty về việc buộc ông Đặng Hoàng Đ phải bồi thường các khoản tổn thất do ông Đ sử dụng hồ sơ giả gây ra cho Công ty số tiền 200.000.000 đồng, nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Công ty không có đơn phản tố nên cấp sơ thẩm không giải quyết đối với yêu cầu này. Do đó, yêu cầu kháng cáo của Công ty là vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2018/LĐ-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc đình chỉ giải quyết vụ án đối với số tiền bảo hiểm là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty không được Tòa án chấp nhận nên Công ty phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2018/LĐ-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 22, Điều 38, Điều 41 và Điều 42 của Bộ luật Lao động; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của nguyên đơn ông Đặng Hoàng Đ đối với bị đơn Công ty TNHH T.

- Buộc Công ty TNHH T bồi thường cho ông Đặng Hoàng Đ tổng số tiền là 78.547.000 đồng (Bảy mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

- Buộc Công ty TNHH T và ông Đặng Hoàng Đ đóng tiền bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương cho ông Đặng Hoàng Đ từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018 tính theo tiền lương là 4.430.000 đồng/tháng, số sổ 7412153121 theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội; ông

Đặng Hoàng Đ có nghĩa vụ liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương để điều chỉnh lại các thông tin liên quan đến nhân thân cho đúng với thực tế.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu Công ty TNHH T chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Hoàng Đ về việc không yêu cầu Công ty TNHH T phải nhận trở lại làm việc.

1.3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH T phải chịu 2.356.410 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm mười đồng).

2. Án phí phúc thẩm: Công ty TNHH T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014113 ngày 27/6/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh BD;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ Hành chính tư pháp, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đắc Cường
(Đã ký)